

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” Điều 1.1, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-TCDS ngày 18 tháng 02 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Xuân T, sinh năm 1985 và bà Cao Thị T1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Hoài P, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1, bị đơn bà Phan Thị Hoài P đã tự thoả thuận thống nhất về ranh giới giữa các bên tại các thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 tại thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) cấp cho ông Phan Xuân T, bà Cao Thị T1 và thửa đất số 590, tờ bản đồ số 4 tại thôn

T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) cấp cho bà Phan Thị Hoài P, cụ thể như sau:

- Ranh giới giữa 02 thửa đất là đường thẳng từ điểm 5 đến điểm 2, chiều dài 38,78m.

- Hiện trạng sử dụng các thửa đất sau khi điều chỉnh ranh giới như sau:

- + Ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1 sử dụng ranh giới, mốc giới thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 tại thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) theo sơ đồ là các điểm 1, 2, 5, 6; diện tích 665,2m².

- + Bà Phan Thị Hoài P sử dụng ranh giới, mốc giới thửa đất số 590, tờ bản đồ số 4 tại thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) theo sơ đồ là các điểm 2, 3, 4, 5; diện tích 273m².

(Theo kết quả trích đo hiện trạng sử dụng đất của các bên đã thống nhất tại thực địa).

2.2. Vợ chồng ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1, bà Phan Thị Hoài P có trách nhiệm liên hệ, phối hợp, cung cấp các tài liệu, giấy tờ liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng diện tích đất nêu trên đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI994331 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q) cấp ngày 21/12/2017 cho ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1 tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 tại thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 464157 do UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 23/4/2015 cho bà Phan Thị Hoài P tại thửa đất số 590, tờ bản đồ số 4 tại thôn T, phường B, tỉnh Quảng Trị (thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) theo quy định của pháp luật.

2.3. Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1, bà Phan Thị Hoài P theo thông tin tại điểm [2.1] và [2.2] của Quyết định này.

(Vị trí, sơ đồ các thửa đất cụ thể kèm theo Quyết định).

2.4. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ các đương sự tự thỏa thuận cùng chịu và đã thực hiện xong.

2.5. Về án phí: Ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1 tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003514 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Ông Phan Xuân T và bà Cao Thị T1 được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vị trí, sơ đồ các thửa đất:

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3;
- THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phan Anh Đức